

Bản án số: 34/2020/HSPT
Ngày: 04-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Việt;

Ông Nguyễn Văn Nghĩa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2019/HSPT ngày 16 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Văn D do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Văn D**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 12 năm 1975 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố M), phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Trần Thị H và 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Vụ án có các bị hại anh Nguyễn Văn T; anh Trần Văn C; các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Đình P; anh Đoàn Ngọc B và anh Đình Minh H nhưng không có kháng cáo, có các người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo của bị cáo; Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 10/01/2018, Trần Văn D điều khiển xe máy từ nhà đi tìm mua trâu. Khi đi đến khu vực cánh đồng C thuộc tổ dân phố M (nay là tổ dân phố MH), phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, D nhìn thấy 01 con trâu cái, lông màu đen, nặng khoảng 300kg của anh Nguyễn Văn T đang được neo buộc giữa đồng, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp trâu để bán lấy tiền tiêu xài. D gọi điện cho anh Đoàn Ngọc B thuê xe đến chở trâu. 15 phút sau, anh B điều khiển xe ô tô tải thùng loại nhỏ, biển kiểm soát 73C-.....đến, mở thùng xe để D nhả cọc buộc trâu và dắt trâu lên xe. Sau đó, D cùng anh B chở trâu chạy đến bán cho anh Đinh Minh H với giá 18.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Văn D khai nhận ngoài vụ trộm nói trên D còn thực hiện hành vi phạm tội: Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 05/01/2018, khi đi đến khu vực C thuộc tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố M), phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình để tìm mua trâu thì phát hiện có 01 con trâu cái, nặng khoảng 150kg đến 300 kg, của anh Trần Văn C đang thả ăn ở giữa đồng không có người trông coi nên D nảy sinh ý định trộm trâu bán lấy tiền tiêu xài. D điện thoại cho anh Trần Đình P để thuê xe đến chở trâu thì 20 phút sau, anh P điều khiển xe ô tô nhãn hiệu ThaCo, biển kiểm soát 73L-..... đến, mở nắp bửng xe để D dắt trâu lên thùng xe chở đi tiêu thụ. Khi đi trên đường thì bị anh Trần Văn C phát hiện nên D đã trả lại trâu cho anh C.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 19/HD ngày 22 tháng 5 năm 2019 và số 26/HD ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Ba Đồn, kết luận: 01 con trâu, giống cái, nặng khoảng 300kg của anh Nguyễn Văn T, tại thời điểm mất trộm có giá trị 27.000.000 đồng; 01 con trâu, giống cái, nặng khoảng 150kg-300kg của anh Trần Văn C, tại thời điểm mất trộm có giá trị 21.000.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại tài sản, 2 con trâu cái thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn T và anh Trần Văn C là 48.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định: 01 con trâu cái mà Trần Văn D trộm cắp của anh Nguyễn Văn T đã bán lại cho anh Đinh Minh H. Sau đó, anh H bán lại cho một người không rõ danh tính, địa chỉ cụ thể nên không thể thu hồi; 01 con trâu cái của anh Trần Văn C, sau khi được bị cáo D trả lại, anh C đã bán cho một người không rõ danh tính, địa chỉ ở Hà Tĩnh.

Về dân sự: bị cáo Trần Văn D và bị hại anh Nguyễn Văn T đã thoả thuận bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Anh T đã nhận đủ tiền và cam đoan không khiếu nại, khiếu kiện gì. Bị hại anh Trần Văn C đã được D trả lại trâu nên không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Liên quan trong vụ án có anh Đoàn Ngọc B và anh Trần Đình P là người được D thuê để chở trâu, anh Đinh Minh H và anh Trương Đức D là người mà D đã bán trâu. Tuy nhiên, Anh B, anh P, anh H và anh D không biết con trâu mà D thuê xe chở và bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không cấu thành tội phạm. Vì vậy, cơ quan CSĐT Công an thị xã Ba Đồn chỉ tiến hành nhắc nhở, răn đe, giáo dục chung là phù hợp.

Tại Bản Cáo trạng số 51/CT-VKSNDTXBĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình quyết định tuyên bố bị Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử phạt bị cáo Trần Văn D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, Trần Văn D kháng cáo xin được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị cáo Trần Văn D khai, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố và xét xử của án sơ thẩm. Bị cáo trình bày: Bị cáo từ trước đến nay chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, bản thân đã thực sự ăn năn hối cải, thành khai báo, giúp các cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ và nhanh chóng kết thúc nội dung vụ án. Đã khắc phục bồi thường hậu quả gây ra và được bị hại bãi nại cho bị cáo. Bị cáo trình bày, gia đình thuộc diện hộ nghèo hiện đang nuôi mẹ già hơn 80 tuổi và con còn nhỏ nên xin được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm: Các quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt là có căn cứ, đúng pháp luật, do vậy đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn D nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn D tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Bản án sơ thẩm tuyên bị cáo Trần Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Như vậy, vào các ngày 05/01/2018 và 10/01/2018, bị cáo D đã 02 lần thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, theo định giá của cơ quan chuyên môn có tổng giá trị là 48.000.000 đồng; Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn D:

Hành vi của bị cáo D đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương; theo tính chất, mức độ vụ án, yêu cầu đấu tranh đối với loại tội phạm này thì hình phạt với mức án 15 tháng tù tội “Trộm cắp tài sản” mà án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo trong vụ án là nghiêm minh và đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại đã gây ra được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự, bị cáo được bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với tình tiết tăng nặng, bị cáo phạm tội 02 lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Như vậy án sơ thẩm đã đánh giá, phân tích đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt để xử phạt bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm tình tiết mới, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn D để giảm nhẹ hình phạt.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có cơ sở.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[5] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn D và giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt,

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt bị cáo Trần Văn D 15 (*mười lăm*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 04 tháng 3 năm 2020).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng PV27-CAQB;
- Vụ GDKT1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Trần Đức Long